

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 44/STP-HCTP&QLXLVPHC

Bình Dương, ngày 21 tháng 6 năm 2024

V/v triển khai thực hiện các quy định
của Nghị định số 63/2024/NĐ-CP và
Thông tư 04/2024/TT-BTP

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Ngày 10/06/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 63/2024/NĐ-CP quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành (sau đây gọi là Nghị định số 63/2024/NĐ-CP).

Ngày 06/6/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/6/2024 (sau đây gọi là Thông tư số 04/2024/TT-BTP).

Để triển khai thực hiện thống nhất trên toàn tỉnh quy định của các văn bản nêu trên, Sở Tư pháp đề nghị UBND các huyện, thành phố quan tâm chỉ đạo triển khai một số nội dung sau:

- Chỉ đạo Phòng Tư pháp phối hợp với ban ngành liên quan tại địa phương tổ chức quán triệt nội dung của Nghị định số 63/2024/NĐ-CP, Thông tư số 04/2024/TT-BTP đến cơ quan đăng ký hộ tịch cấp xã, công chức làm công tác hộ tịch và công chức các ngành có liên quan.

- Chỉ đạo Phòng Tư pháp, cơ quan đăng ký hộ tịch cấp xã trên địa bàn:

+ Triển khai thực hiện việc liên thông 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2024/NĐ-CP.

+ Niêm yết, công khai thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch để tạo thuận lợi cho người dân và cơ quan giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch trong việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin của người yêu cầu đăng ký hộ tịch thông qua kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân

cư theo quy định pháp luật, nếu người yêu cầu đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ

- Kể từ ngày 06/06/2024, cơ quan đăng ký hộ tịch cấp huyện, cấp xã hướng dẫn người dân có yêu cầu đăng ký hộ tịch sử dụng mẫu Tờ khai đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BTP.

Trường hợp hồ sơ đăng ký hộ tịch được tiếp nhận trước ngày 06/6/2024 mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tư pháp (*Phòng Hành chính tư pháp và quản lý xử lý vi phạm hành chính*) để được hướng dẫn giải quyết kịp thời.

(Đính kèm Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/06/2024 của Bộ Tư pháp)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- GD (để b/c);
- PGD (để biết);
- PTP cấp huyện (để thực hiện);
- VT, HCTP&QLXLVPHC, Ph. *Ph.*

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Phương Ngọc

Số: 04 /2024/TT-BTP

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2024

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch

1. Thay thế cụm từ “Các Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài” bằng cụm từ “Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài” tại khoản 2 Điều 2 và khoản 1 Điều 6.

2. Thay thế các mẫu Sổ tại Điều 3, gồm:

a) Thay thế Sổ thụ lý hồ sơ các việc về quốc tịch (TP/QT-2020-STLHSQT) bằng Sổ thụ lý hồ sơ các việc về quốc tịch (TP/QT-2024-STLHSQT);

b) Thay thế Sổ đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-SĐKXĐCQTVN) bằng Sổ đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-SĐKXĐCQTVN);

c) Thay thế Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-SCGXNCQTVN) bằng Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-SCGXNCQTVN);

d) Thay thế Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2020-SCGXNGVN) bằng Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2024-SCGXNGVN);

3. Thay thế các loại mẫu giấy tờ về quốc tịch tại Điều 4, gồm:

a) Thay thế mẫu Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-ĐXNQ.1) bằng Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-ĐXNQ.1);

b) Thay thế mẫu Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người giám hộ/người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được giám hộ/được đại diện (TP/QT-2020-ĐXNQ.2) bằng Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2024-ĐXNQ.2);

c) Thay thế mẫu Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-ĐXTLQT.1) bằng Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-ĐXTLQT.1);

d) Thay thế mẫu Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người giám hộ/người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được giám hộ/được đại diện (TP/QT-2020-ĐXTLQT.2) bằng Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2024-ĐXTLQT.2);

đ) Thay thế mẫu Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-ĐXTQT.1) bằng Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-ĐXTQT.1);

e) Thay thế mẫu Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người giám hộ/người đại diện theo pháp luật làm Đơn thôi quốc tịch Việt Nam cho người được giám hộ/được đại diện (TP/QT-2020-ĐXTQT.2) bằng Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam

cho người được đại diện (TP/QT-2024-ĐXTQT.2);

g) Thay thế mẫu Bản khai lý lịch (TP/QT-2020-BKLL) bằng Bản khai lý lịch (TP/QT-2024-BKLL);

h) Thay thế mẫu Tờ khai đề nghị đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-TKXĐCQTVN) bằng Tờ khai đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-TKXĐCQTVN);

i) Thay thế mẫu Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-TKXNCQTVN) bằng Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-TKXNCQTVN.1);

k) Thay thế mẫu Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2020-TKXNNGVN) bằng Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2024-TKXNNGVN.1);

l) Thay thế mẫu Trích lục đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-TLXĐCQTVN) bằng Trích lục đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-TLXĐCQTVN);

m) Thay thế mẫu Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-XNCQTVN) bằng Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-XNCQTVN);

n) Thay thế mẫu Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2020-XNNGVN) bằng Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2024-XNNGVN);

o) Thay thế mẫu Danh sách người được đề nghị giải quyết các việc quốc tịch (TP/QT-2020-DS) bằng Danh sách người được đề nghị giải quyết các việc quốc tịch (TP/QT-2024-DS);

4. Bổ sung 02 mẫu Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2024-TKXNCQTVN.2) và Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2024-TKXNNGVN.2).

5. Bãi bỏ mẫu “Phiếu tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hồ sơ” tại Điều 4.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 7 như sau:

“1. Tùy theo từng loại việc, người có yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch phải điền đầy đủ, chính xác các thông tin theo các cột, mục trong mẫu Đơn, Bản khai lý lịch, Tờ khai theo hướng dẫn cụ thể tại từng mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu giải quyết các việc

về quốc tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.”

b) Bổ sung khoản 6 Điều 3 như sau:

“6. Việc nộp, tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến và trả kết quả đăng ký hộ tịch trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến và các văn bản quy định chi tiết thi hành.”

2. Thay thế Danh mục Tờ khai đăng ký hộ tịch được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, cơ quan đăng ký hộ tịch, người dân tự in, sử dụng (Phụ lục 5) bằng Danh mục Tờ khai đăng ký hộ tịch được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, cơ quan đăng ký hộ tịch, người dân tự in, sử dụng (Phụ lục 5) ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Giấy tờ hộ tịch được cấp hợp lệ mà thông tin hộ tịch còn thiếu thì được bổ sung, nếu có giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hợp lệ chứng minh.

Yêu cầu ghi bổ sung quốc tịch Việt Nam chỉ thực hiện đối với giấy tờ hộ tịch được cấp kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, sau khi xác định người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam”.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Hồ sơ quốc tịch và hồ sơ đăng ký hộ tịch tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Thông tư số 02/2020/TT-BTP và Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

2. Các mẫu Sổ quốc tịch theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

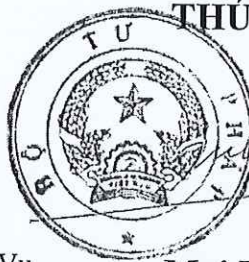
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

2. Cục trưởng Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, Văn phòng Bộ, Vụ TCCB, Vụ CVĐCVXDPL, Cục KTVBQPPL, Cục CNTT;
- UBND, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục HTQTCT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Mai Lương Khôi

